

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 50



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập Đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020 là 2.686.319.650.000 đồng (*Hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCOS.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm Phó Chủ tịch ngày 19 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Việt Tân	Thành viên (Miễn nhiệm Phó Chủ tịch ngày 19 tháng 6 năm 2021)
Bà Phạm Thị Chi	Thành viên
Bà Trần Hải Yến	Thành viên
Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Nguyễn Danh Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Kim Ngân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Dương Thụ	Thành viên
Bà Lê Thị Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Tân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/4/2021, thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/5/2026)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại mục 7.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Việt Tân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Số: 201/2021/BCSXHN-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tasco

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tasco được lập ngày 26/8/2021, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vũ Ngọc An****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.338.583.548.768	1.462.839.215.580
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	329.814.461.490	219.322.711.611
1. Tiền	111		290.309.095.618	198.909.108.118
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.505.365.872	20.413.603.493
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	38.558.398.516	46.920.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.558.398.516	46.920.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		785.678.430.709	975.469.626.587
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	568.139.615.194	731.919.464.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	66.081.768.186	48.878.129.457
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.460.285.000	32.625.979.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	148.411.179.879	171.460.470.742
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(9.414.417.550)	(9.414.417.550)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	93.132.114.009	124.428.336.566
1. Hàng tồn kho	141		93.132.114.009	124.428.336.566
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		91.400.144.044	96.698.540.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	905.982.466	1.211.092.152
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.450.368.778	91.331.226.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.9	4.043.792.800	4.156.221.674
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		8.618.412.745.127	8.695.631.385.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		122.984.524.117	122.984.283.349
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	126.134.524.117	126.134.283.349
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(3.150.000.000)	(3.150.000.000)
II. Tài sản cố định	220		6.111.058.889.730	6.238.520.709.686
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	5.981.792.114.590	6.104.093.281.543
- Nguyên giá	222		7.477.948.598.869	7.477.102.910.079
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.496.156.484.279)	(1.373.009.628.536)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	129.266.775.140	134.427.428.143
- Nguyên giá	228		157.561.710.462	157.561.710.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.294.935.322)	(23.134.282.319)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.12	1.135.851.321.180	1.136.982.809.271
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		561.186.920.267	614.726.749.147
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		574.664.400.913	522.256.060.124
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	348.887.260.995	350.744.115.288
1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		321.087.260.995	322.944.115.288
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.800.000.000	22.800.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		898.917.246.897	845.623.010.116
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	898.917.246.897	845.623.010.116
VII. Lợi thế thương mại	269		713.502.208	776.458.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		9.956.996.293.895	10.158.470.601.572

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		7.069.612.277.786	7.197.644.656.393
I. Nợ ngắn hạn	310		1.241.012.575.659	1.194.862.964.771
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	464.121.604.159	490.683.782.764
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.620.049.473	81.427.702.297
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	44.390.496.692	23.794.441.300
4. Phải trả người lao động	314		13.098.306.848	21.016.216.850
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	103.944.695.046	95.037.607.286
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	432.503.480.046	362.737.071.284
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	106.966.742.299	97.778.930.894
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		22.367.201.096	22.387.212.096
II. Nợ dài hạn	330		5.828.599.702.127	6.002.781.691.622
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	1.432.674.267	1.191.236.986
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	545.731.030.104	551.589.958.880
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	5.242.975.252.297	5.411.539.750.297
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	38.460.745.459	38.460.745.459
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		2.887.384.016.109	2.960.825.945.179
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	2.887.384.016.109	2.960.825.945.179
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		84.728.083.395	84.824.223.592
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		122.247.635.329	122.247.635.329
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.335.869.184	80.626.534.571
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		80.852.847.196	315.688.161.155
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(70.516.978.012)	(235.061.626.585)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(16.247.221.799)	(13.192.098.313)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		9.956.996.293.895	10.158.470.601.572

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh



Nguyễn Việt Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	465.966.391.395	352.817.370.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.119.072.668	9.820.199.122
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		463.847.318.727	342.997.171.349
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	290.904.567.377	223.827.561.381
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		172.942.751.350	119.169.609.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	5.295.469.513	51.904.646.765
7. Chi phí tài chính	22	6.5	166.360.313.987	116.259.370.335
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>166.360.313.987</i>	<i>116.259.370.335</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		2.997.648.207	3.203.959.226
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	38.197.792.082	6.319.994.291
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	44.020.967.597	44.631.064.541
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(67.343.204.596)	7.067.786.792
12. Thu nhập khác	31	6.7	2.500.549.871	751.565.150
13. Chi phí khác	32	6.7	3.291.713.974	3.931.459.532
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(791.164.103)	(3.179.894.382)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(68.134.368.699)	3.887.892.410
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	5.437.732.799	13.131.173.594
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(73.572.101.498)	(9.243.281.184)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(70.516.978.012)	(4.412.705.919)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(3.055.123.486)	(4.830.575.265)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(271,02)	(16,43)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	(208,83)	(16,43)

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(68.134.368.699)	3.887.892.410
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		129.341.338.862	102.937.775.185
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.414.329.838)	(55.108.605.991)
- Chi phí lãi vay	06		166.360.313.987	116.259.370.335
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		218.152.954.312	167.976.431.939
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		194.784.242.196	46.856.690.507
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.296.222.557	(70.074.589.064)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		70.122.657.926	213.604.328.483
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(52.989.127.095)	(145.415.091.246)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(194.211.244.754)	(195.292.685.461)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.315.158.862)	(8.517.668.950)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		697.601.666	1.725.099.177
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(385.766.152)	(2.005.580.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		247.152.381.794	8.856.934.467
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.583.185.318)	(51.852.604.283)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		481.876.187	550.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.784.803.032)	(27.135.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.112.098.516	4.304.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(246.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.500.000.000	94.973.907.713
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.934.228.937	6.873.556.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.660.215.290	27.467.860.330
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		22.755.866.191	74.369.969.614
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(182.076.713.396)	(97.081.885.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(159.320.847.205)	(22.711.915.654)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		110.491.749.879	13.612.879.143
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	219.322.711.611	146.076.986.910
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	329.814.461.490	159.689.866.053

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là Đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập Đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020 là 2.686.319.650.000 đồng (Hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD -TASCO.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 30/6/2021 là 941 (tại ngày 31/12/2020 là 930).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đầu tư vào các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực BOT, dịch vụ y tế, quản lý.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ và được giảm lãi suất tiền vay theo quy định Ngân hàng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2012/TT-BTC do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên Công ty	Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00	51,00	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	99,97	99,97	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	97,82	97,82	Dịch vụ
4	Công ty CP Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2	Hà Nội	67,00	67,00	Y tế
5	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
6	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Hạ tầng giao thông
7	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Hạ tầng giao thông
8	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Hạ tầng giao thông
9	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	100	Đầu tư lĩnh vực y tế
10	Công ty TNHH An Nhiên Foods	Hòa Bình	100	100	Nông nghiệp
11	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100	100	Dịch vụ
Công ty con sở hữu gián tiếp					
12	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	98,08	98,08	Dịch vụ thu phí
Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20,00	20,00	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Hà Nội	38,61	38,61	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Phú Thọ	30,00	30,00	Hạ tầng giao thông

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất, hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao
(Số năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

TSCĐ khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu theo thông tư Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 15 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong kỳ, có 21.744.402.795 đồng (kỳ trước: 54.686.275.850 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Chi phí lãi vay của Công ty đối với các khoản vay cho các Dự án BOT được phân bổ chi phí theo doanh thu từ Dự án.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Chi phí trung tu bảo dưỡng dự án thu phí tự động không dừng.
- Các chi phí phải trả khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí đại tu Dự án BOT Quốc lộ 21 được trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, Phí quản lý vận hành Dự án Xuân Phương nhận trước; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá bất động sản, doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế...

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán là hàng hóa bất động sản: điều chỉnh giảm giá bán căn hộ theo quyết toán dự án báo nhân dân và Văn phòng trung ương Đảng.
- Các khoản giảm trừ doanh thu của hợp đồng xây dựng: giảm trừ theo biên bản quyết toán khối lượng xây dựng hoàn thành.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện áp mái: Công ty được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế nhưng không quá 3 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm. Năm 2021 là năm thứ 2 Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế.

Ba dự án BOT (Dự án BOT Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Dự án BOT đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình; Dự án BOT Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng) của công ty đang được hưởng ưu đãi thuế hiện hành đối với dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Xây lắp và hoạt động khác, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT, dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	10.581.642.648	1.916.395.973
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	279.727.452.970	196.992.712.145
Các khoản tương đương tiền (ii)	39.505.365.872	20.413.603.493
Tổng	329.814.461.490	219.322.711.611

- (i) Trong đó khoản tiền gửi ngân hàng trị giá 178.616.387.385 đồng là khoản tiền chủ phương tiện nộp vào tài khoản giao thông để sử dụng dịch vụ thu phí tự động không dừng.
- (ii) Là khoản tiền gửi theo hình thức Dbon có kỳ hạn 1 tháng lãi suất 8%/năm và các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ một đến ba tháng lãi suất từ 3,5% đến 4%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	38.558.398.516	38.558.398.516	46.920.000.000	46.920.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	38.558.398.516	38.558.398.516	46.920.000.000	46.920.000.000
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,5% đến 4,9%/năm.
- (ii) Trái Phiếu Vietcombank lãi suất thả nổi; kỳ hạn 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOTầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a- DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư Công ty liên kết	341.580.459.121	321.087.260.995	343.437.313.414	322.944.115.288
Tổng Công ty	243.521.586.822	243.521.586.822	246.299.452.337	246.299.452.337
Thăng Long - CTCP (*)				
Công ty TNHH BOT	77.565.674.173	77.565.674.173	76.644.662.951	76.644.662.951
Hùng Thăng-Phú Thọ				
Công ty CP Bất động sản				
Thái An	17.256.748.882	-	17.256.748.882	-
Công ty CP Tasco				
Thăng Long	1.776.452.142	-	1.776.452.142	-
Công ty CP D - Tech	1.459.997.102	-	1.459.997.102	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác	22.800.000.000	(**)	-	22.800.000.000	(**)	-
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000		-	4.500.000.000		-
Công ty CP Cotabig	300.000.000		-	300.000.000		-
Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi	18.000.000.000		-	18.000.000.000		-

(*) Giá trị thị trường khoản đầu tư vào Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty thấp hơn giá gốc tuy nhiên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính do đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8 là 4,5%; Công ty CP Cotabig là:30.000 cổ phần; Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi là: 12,17%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	568.139.615.194	731.919.464.938
Ban QLDA ĐTXD các công trình NN& PTNT tỉnh Thái Bình	6.977.894.000	8.210.494.000
Ban Quản lý dự án 6	551.327.249	551.327.249
Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm (i)	244.883.010.283	244.883.010.283
Ban Quản lý các Dự án giao thông Nam Định	-	9.722.512.000
Risen Sea Series I Co., Limited	40.500.000.000	84.000.000.000
Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	29.030.409.000	25.196.247.000
Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Hà Nam	6.657.866.945	6.657.866.945
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	90.628.570.000	90.628.570.000
Khách hàng dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương (ii)	35.960.799.936	170.246.927.368
Các đối tượng khác	112.949.737.781	91.822.510.093
Tổng	568.139.615.194	731.919.464.938

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)

- (i) Khoản phải thu Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm là giá trị phải thu theo Hợp đồng BT số 68/HĐBT để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (BT Lê Đức Thọ).
- (ii) Khoản phải thu 5% giá trị hợp đồng của khách hàng mua nhà dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	66.081.768.186	48.878.129.457
Công ty CP Tasco Trường Sơn	4.642.440.508	2.198.020.129
Công ty CP Bon	35.200.620.159	14.747.180.209
Công ty CP đầu tư và xây dựng Tiến Phát	-	4.452.921.456
Đối tượng khác	26.238.707.519	27.480.007.663
Tổng	66.081.768.186	48.878.129.457

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOTầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	148.411.179.879	(5.400.421.625)	171.460.470.742	(5.400.421.625)
Tạm ứng	23.531.057.970	(3.286.973.157)	24.861.852.944	(3.286.973.157)
Ký cược, ký quỹ	624.170.000	-	41.054.170.000	-
Phải thu khác	124.255.951.909	(2.113.448.468)	105.544.447.798	(2.113.448.468)
<i>UBND quận Nam Từ Liêm</i>	<i>48.324.177.720</i>		<i>48.324.177.720</i>	
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>75.931.774.189</i>	<i>(2.113.448.468)</i>	<i>57.220.270.078</i>	<i>(2.113.448.468)</i>
Dài hạn	126.134.524.117	(3.150.000.000)	126.134.283.349	(3.150.000.000)
Ký cược, ký quỹ	67.580.869.407	(3.150.000.000)	67.580.628.639	(3.150.000.000)
Các khoản khác	58.553.654.710	-	58.553.654.710	-
Tổng	274.545.703.996	(8.550.421.625)	297.594.754.091	(8.550.421.625)

*Phải thu của khách
hàng là các bên
liên quan*

5.765.854.271

6.169.481.551

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)

5.6 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	12.564.417.550	-	12.564.417.550	-
Công ty IT Fusion	3.150.000.000	-	3.150.000.000	-
Nguyễn Đăng Hải	2.567.050.662	-	2.567.050.662	-
Công ty CP Bất động sản Thái An	1.326.902.195	-	1.326.902.195	-
Nguyễn Minh Tuyên	2.113.448.468	-	2.113.448.468	-
Đối tượng khác	3.407.016.225	-	3.407.016.225	-
Tổng	12.564.417.550	-	12.564.417.550	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOTầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.668.419.663	-	32.956.143.485	-
Công cụ, dụng cụ	8.031.114.139	-	8.961.218.245	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.581.062.325	-	28.142.322.051	-
Thành phẩm	32.668.317.862	-	52.770.879.310	-
Hàng hoá	2.183.200.020	-	1.597.773.475	-
Tổng	93.132.114.009	-	124.428.336.566	-

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	905.982.466	1.211.092.152
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	628.687.147	133.889.027
Chi phí ngắn hạn khác	277.295.319	1.077.203.125
Dài hạn	898.917.246.897	845.623.010.116
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.230.322.138	2.893.329.173
Chi phí lãi vay	803.042.024.095	724.199.941.488
Chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng	213.459.756	505.704.104
Chi phí dán thẻ ETAG- DA thu phí tự động không dừng	27.812.436.113	47.097.371.325
Chi phí trung tu dự án BOT Quảng Bình	29.296.491.731	34.179.240.353
Chi phí trả trước khác	32.322.513.064	36.747.423.673
Tổng	899.823.229.363	846.834.102.268

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	Số phải nộp		Số đã nộp	
	01/01/2021	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	23.794.441.300	77.739.619.692	57.143.564.300	44.390.496.692
Thuế giá trị gia tăng	2.861.172.918	41.722.263.894	33.054.095.466	11.529.341.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	20.373.051.307	31.888.051.773	20.221.753.831	32.039.349.249
Thuế thu nhập cá nhân	554.932.076	2.624.815.823	2.715.545.867	464.202.032
Thuế tài nguyên	3.910.000	9.386.000	13.296.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	357.604.065	-	357.604.065
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.374.999	1.137.498.137	1.138.873.136	-

- (i) Phần thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp trong kỳ bao gồm cả thuế TNDN nộp thay cho Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt tương ứng với các sản phẩm thuộc dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương đã bán theo uỷ quyền của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt trong hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET và các phụ lục hợp đồng kèm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải thu trong kỳ</u>	<u>Số đã thu trong kỳ</u>	<u>30/6/2021</u>
Phải thu	4.156.221.674	138.849.538	251.278.412	4.043.792.800
Thuế GTGT nộp thừa	486.301.100	-	-	486.301.100
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.669.663.377	93.405.031	213.943.536	3.549.124.872
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	257.197	45.444.507	37.334.876	8.366.828

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	157.561.710.462	157.561.710.462
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	<u>157.561.710.462</u>	<u>157.561.710.462</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	23.134.282.319	23.134.282.319
Tăng trong kỳ	5.160.653.003	5.160.653.003
Khấu hao trong kỳ	5.160.653.003	5.160.653.003
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	<u>28.294.935.322</u>	<u>28.294.935.322</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2021	<u>134.427.428.143</u>	<u>134.427.428.143</u>
Số dư tại 30/6/2021	<u>129.266.775.140</u>	<u>129.266.775.140</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	44.228.855.418	130.131.091.139	33.931.450.288	10.215.351.512	7.258.596.161.722	7.477.102.910.079
Tăng trong kỳ	-	460.000.000	-	2.138.897.827	686.822.727	3.285.720.554
Mua trong kỳ		460.000.000		2.138.897.827	675.430.000	3.274.327.827
Đầu tư XDCB hoàn thành					11.392.727	11.392.727
Giảm trong kỳ		1.590.909.090			849.122.674	2.440.031.764
Thanh lý, nhượng bán		1.590.909.090				1.590.909.090
Giảm khác					849.122.674	849.122.674
Số dư tại 30/6/2021	44.228.855.418	129.000.182.049	33.931.450.288	12.354.249.339	7.258.433.861.775	7.477.948.598.869
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	16.875.361.815	37.530.715.915	14.231.851.048	7.425.245.062	1.296.946.454.696	1.373.009.628.536
Tăng trong kỳ	922.796.184	4.260.473.080	967.118.838	534.468.055	117.583.211.704	124.268.067.861
Khấu hao trong kỳ	922.796.184	4.260.473.080	967.118.838	534.468.055	117.583.211.704	124.268.067.861
Giảm trong kỳ		1.121.212.118				1.121.212.118
Thanh lý, nhượng bán		1.121.212.118				1.121.212.118
Số dư tại 30/6/2021	17.798.157.999	40.669.976.877	15.198.969.886	7.959.713.117	1.414.529.666.400	1.496.156.484.279
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	27.353.493.603	92.600.375.224	19.699.599.240	2.790.106.450	5.961.649.707.026	6.104.093.281.543
Số dư tại 30/6/2021	26.430.697.419	88.330.205.172	18.732.480.402	4.394.536.222	5.843.904.195.375	5.981.792.114.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh	266.603.560.240	266.603.560.240	271.387.548.865	271.387.548.865
Dự án xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và Văn phòng TW Đảng	720.243.246	720.243.246	728.323.702	728.323.702
Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương -Foresa villa	293.863.116.781	293.863.116.781	342.610.876.580	342.610.876.580
Tổng	561.186.920.267	561.186.920.267	614.726.749.147	614.726.749.147
Xây dựng cơ bản dở dang				
			30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70			335.744.178.478	313.997.271.394
Dự án 48 Trần Duy Hưng			8.141.590.646	8.049.718.984
Dự án nhà ở cho CB CNV Bộ ngoại giao			1.013.790.768	1.013.790.768
Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương			54.410.953.846	54.410.953.846
Dự án tòa nhà văn phòng Tasco			26.577.460.782	25.722.090.280
Dự án nhà máy điện gió Gia Lai			4.039.344.494	3.956.482.471
Dự án điện mặt trời mái nhà Farm Kỳ Sơn			13.058.741.662	12.851.092.388
Các công trình khác			131.678.340.237	102.254.659.993
Tổng			574.664.400.913	522.256.060.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	464.121.604.159	464.121.604.159	490.683.782.764	490.683.782.764
Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	10.053.744.101	10.053.744.101	10.053.744.101	10.053.744.101
Công ty CP Sông Hồng	1.421.163.001	1.421.163.001	3.436.616.001	3.436.616.001
Công ty CP xây dựng giao thông Yên Bái	24.788.096.600	24.788.096.600	23.644.942.000	23.644.942.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	96.358.768.580	96.358.768.580	109.370.370.601	109.370.370.601
Công ty CP Đầu tư & xây dựng HUD3	4.593.367.856	4.593.367.856	5.770.030.799	5.770.030.799
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim	5.206.241.638	5.206.241.638	5.806.241.638	5.806.241.638
Công ty CP Công nghệ Tiên Phong	87.125.733.935	87.125.733.935	80.955.381.439	80.955.381.439
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	35.348.592.985	35.348.592.985	35.348.592.985	35.348.592.985
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn Thông	49.624.253.715	49.624.253.715	40.126.047.638	40.126.047.638
Đối tượng khác	149.601.641.748	149.601.641.748	176.171.815.562	176.171.815.562
Tổng	464.121.604.159	464.121.604.159	490.683.782.764	490.683.782.764
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>104.630.653.723</i>	<i>104.630.653.723</i>	<i>109.775.333.206</i>	<i>109.775.333.206</i>

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Chi phí phải trả

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	103.944.695.046	95.037.607.286
Trích trước giá vốn các Dự án:	47.516.350.369	47.857.345.120
<i>Dự án Vân Canh</i>	<i>9.133.760.383</i>	<i>9.133.760.383</i>
<i>Dự án Khu nhà ở ST Xuân Phương</i>	<i>1.449.075.041</i>	-
<i>Dự án nhà ở Báo Nhân Dân và Văn phòng TW Đảng</i>	<i>29.985.508.944</i>	<i>31.717.346.352</i>
<i>Dự án Pháp Vân</i>	<i>6.948.006.001</i>	<i>7.006.238.385</i>
Trích trước lãi vay	15.617.980.754	14.741.281.538
Chi phí trung tu bảo dưỡng	22.302.698.111	23.000.000.000
Trích trước chi phí khác	18.507.665.812	9.438.980.628
Tổng	103.944.695.046	95.037.607.286

5.15 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	432.503.480.046	362.737.071.284
Kinh phí công đoàn	1.593.901.334	1.470.844.298
Bảo hiểm xã hội;	6.134.075.514	- 5.302.983.588
Bảo hiểm y tế	95.748.289	1.075.420.998
Bảo hiểm thất nghiệp	691.633.821	481.024.830
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.237.796.000	53.748.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	422.750.325.088	354.353.049.570
<i>Tiền sử dụng đất dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân phương còn phải nộp.</i>	-	<i>958.761.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch III - Lãi vay</i>	<i>104.449.220.784</i>	<i>84.365.539.606</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>318.301.104.304</i>	<i>269.028.748.964</i>
Dài hạn	545.731.030.104	551.589.958.880
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt (i)	398.382.747.984	398.382.747.984
Phải trả phải nộp dài hạn khác	147.348.282.120	153.207.210.896
Tổng	978.234.510.150	914.327.030.164

- (i) Phải trả dài hạn Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	106.966.742.299	106.966.742.299	22.755.866.191	13.568.054.786	97.778.930.894	97.778.930.894
Các đối tượng khác	106.966.742.299	106.966.742.299	22.755.866.191	13.568.054.786	97.778.930.894	97.778.930.894
Vay dài hạn	5.242.975.252.297	5.242.975.252.297	-	168.564.498.000	5.411.539.750.297	5.411.539.750.297
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	1.759.727.343.169	1.759.727.343.169	-	128.764.500.000	1.888.491.843.169	1.888.491.843.169
Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	382.350.993.422	382.350.993.422	-	9.600.000.000	391.950.993.422	391.950.993.422
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hà Nội	2.144.208.233.308	2.144.208.233.308	-	15.000.000.000	2.159.208.233.308	2.159.208.233.308
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN SGD3	841.383.152.106	841.383.152.106	-	10.000.000.000	851.383.152.106	851.383.152.106
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội	113.872.191.292	113.872.191.292	-	5.000.000.000	118.872.191.292	118.872.191.292
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu PETROLIMEX - CN Hà Nội	1.433.339.000	1.433.339.000	-	199.998.000	1.633.337.000	1.633.337.000
Tổng	5.349.941.994.596	5.349.941.994.596	22.755.866.191	182.132.552.786	5.509.318.681.191	5.509.318.681.191
<i>Trong đó vay các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.3)</i>	<i>103.280.524.665</i>	<i>103.280.524.665</i>	<i>22.047.371.066</i>	<i>13.568.054.786</i>	<i>94.568.822.742</i>	<i>94.568.822.742</i>

Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:

Khoản vay ngắn hạn đối tượng khác là khoản vay một số cá nhân để bù đắp vốn cho dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức hợp đồng BT và một số khoản vay khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT, BOT; Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe; Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:

Công ty đang vay dài hạn tại các ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo hợp đồng BOT đã ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý, đầu tư các dự án BOT:

Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 - Km605+000 và đoạn Km617+000 - Km641+000 tỉnh Quảng Bình; Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10; Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên; đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 02/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 22/05/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 435.700.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không vượt quá ngày 01/01/2016 hoặc khi dự án có doanh thu. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức Hợp đồng BOT, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần.
- Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 - Km605+000 và đoạn Km617+000 - Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phẩy năm phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.
- Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (VDB):

- Hợp đồng tín dụng đầu tư Nhà nước số 02/2016/HĐTDĐT-NHPT ngày 02/6/2016, số tiền vay tối đa 369.000.000.000 đồng, thời hạn vay 78 tháng, thời gian ân hạn tối đa 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án: "Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên. Lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.
- Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BT:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 3

- Hợp đồng số 01/2017/232424/HĐTD ngày 24/5/2017, hạn mức tín dụng 1.275.194.000.000 đồng, thời hạn vay 147 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 27 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án: Thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc- Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ và đường HCM đoạn qua tây nguyên theo hình thức hợp đồng BOO. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn cho Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh TP Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2017-HDDCVDADDT/NHCT106/BVMHN ngày 02/6/2017, số tiền vay tối đa 135.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án Bệnh viện mắt Hà Nội - Cơ sở 2, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm (theo chương trình cho vay đầu tư phát triển y tế - nhóm 1), cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 2,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dài hạn	1.432.674.267	1.191.236.986
Doanh thu quản lý vận hành khu đô thị	1.064.608.658	706.390.441
Doanh thu ghi nhận trước khác	368.065.609	484.846.545
Tổng	1.432.674.267	1.191.236.986

5.18 Dự phòng phải trả

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dài hạn	38.460.745.459	38.460.745.459
Dự phòng đại tu phân cầu, đường của dự án BOT21	38.460.745.459	38.460.745.459
Tổng	38.460.745.459	38.460.745.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	2.686.319.650.000	84.921.165.989	119.568.635.329	328.927.063.655	(4.810.962.005)	3.214.925.552.968
Tăng trong năm	-	-	2.679.000.000	-	-	2.679.000.000
Tăng khác	-	-	2.679.000.000	-	-	2.679.000.000
Giảm trong năm	-	(96.942.397)	-	(248.300.529.084)	(8.381.136.308)	(256.778.607.789)
Lỗi trong năm	-	-	-	(235.061.626.585)	(8.381.136.308)	(243.442.762.893)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.215.000.000)	-	(3.215.000.000)
Giảm khác (i)	-	(96.942.397)	-	(10.023.902.500)	-	(10.120.844.897)
Số dư tại 31/12/2020	2.686.319.650.000	84.824.223.592	122.247.635.329	80.626.534.571	(13.192.098.313)	2.960.825.945.179
Số dư tại 01/01/2021	2.686.319.650.000	84.824.223.592	122.247.635.329	80.626.534.571	(13.192.098.313)	2.960.825.945.179
Tăng trong kỳ	-	-	-	226.312.625	-	226.312.625
Tăng khác (ii)	-	-	-	226.312.625	-	226.312.625
Giảm trong kỳ	-	(96.140.197)	-	(70.516.978.012)	(3.055.123.486)	(73.668.241.695)
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(70.516.978.012)	(3.055.123.486)	(73.572.101.498)
Giảm khác	-	(96.140.197)	-	-	-	(96.140.197)
Số dư tại 30/6/2021	2.686.319.650.000	84.728.083.395	122.247.635.329	10.335.869.184	(16.247.221.799)	2.887.384.016.109

(i) Là khoản điều chỉnh lãi lỗ khoản đầu tư vào Công ty CP Tasco Năng lượng khi thoái vốn.

(ii) Phần điều chỉnh tăng thêm do quyết toán thuế TNDN năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của cổ đông	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Tổng	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	122.247.635.329	122.247.635.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**Nợ khó đòi đã xử lý**

Đối tượng	Số tiền nợ VND
Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phủ Lý	34.135.000
Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
Phạm Đăng Khởi	11.649.400
Vũ Văn Dũng	27.694.731
Phạm Văn Toàn	22.165.608
Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
Ban QLDA Đầu tư XD huyện Hải Hậu	20.000.000
UBND huyện Giao Thủy	75.681.173
BQL Dự án Khu vực tỉnh Nam Định	49.901.000
Công ty CP Licogi 13	325.974.526
Công ty CP PTMT KCN & Đô thị Việt Nhật	109.450.000
Công ty CP Tư vấn công trình và Kỹ nghệ Đỉnh cao	59.854.000
Công ty cổ phần tư vấn giáo dục Sao Tím	24.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế XDCT & TM AET	130.000.000
Công ty CP Thủy điện MEGASTAR- Hồng Nam	17.710.000
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Nam Định	116.860.000
Công ty CP TIC	30.853.699.510
Công ty CP Thẩm định giá và đầu tư VIC	50.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thiên Hà	1.000.000.000
Tổng	34.109.135.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	38.919.209.894	7.582.435.169
Doanh thu hoạt động thu phí	357.736.806.396	283.850.066.553
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.622.413.169	51.009.486.100
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.719.556.902	10.375.382.649
Doanh thu điện áp mái nhà	968.405.034	-
Tổng	465.966.391.395	352.817.370.471
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh 7.3)	<i>60.000.000</i>	<i>86.181.818</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giảm giá cung cấp dịch vụ	1.672.156.505	94.743.636
Giảm giá hàng bán bất động sản	414.996.163	9.553.650.941
Giảm giá hàng bán hợp đồng xây dựng	31.920.000	171.804.545
Tổng	2.119.072.668	9.820.199.122

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	30.080.454.953	1.243.289.712
Giá vốn hoạt động thu phí	216.197.817.962	175.802.340.779
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	40.972.702.605	37.134.301.147
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.134.808.509	9.647.629.743
Giá vốn điện áp mái nhà	518.783.348	-
Tổng	290.904.567.377	223.827.561.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.197.532.337	4.399.237.705
Doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	47.309.473.296
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.097.937.176	195.935.764
Tổng	5.295.469.513	51.904.646.765

6.5 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	166.360.313.987	116.259.370.335
Tổng	166.360.313.987	116.259.370.335

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.020.967.597	44.631.064.541
Chi phí nhân viên quản lý	23.679.347.819	19.796.895.862
Chi phí vật liệu quản lý	87.177.579	317.334.212
Chi phí đồ dùng văn phòng	247.322.205	132.918.755
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.043.920.971	4.366.646.979
Thuế, phí và lệ phí	156.750.870	325.123.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.406.842.120	16.577.920.788
Chi phí bằng tiền khác	5.399.606.033	3.114.224.838
Chi phí bán hàng	38.197.792.082	6.319.994.291
Chi phí nhân viên quản lý	20.086.926.953	2.078.437.102
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	319.425.839	268.588.086
Chi phí khấu hao	122.370.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.350.034.122	1.879.604.962
Chi phí khác bằng tiền	15.319.035.168	2.093.364.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.7 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thu phạt hợp đồng	941.286.739	156.074.672
Thu nhập khác	1.559.263.132	595.490.478
Tổng	2.500.549.871	751.565.150
Chi phí khác		
Chi phí khác	3.291.713.974	3.931.459.532
Tổng	3.291.713.974	3.931.459.532
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(791.164.103)	(3.179.894.382)

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.437.732.799	13.131.173.594
Tổng	5.437.732.799	13.131.173.594

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(73.572.101.498)	(9.243.281.184)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(70.516.978.012)	(4.412.705.919)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chi lương thành viên HĐQT, ban kiểm soát không chuyên trách	2.287.231.860	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(72.804.209.872)	(4.412.705.919)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	268.631.965	268.631.965
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(271,02)	(16,43)

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(72.804.209.872)	(4.412.705.919)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(72.804.209.872)	(4.412.705.919)
Số bình quân gia quyền của Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (i)	80.000.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(208,83)	(16,43)

(i) Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần. Số cổ phiếu dự kiến phát hành trong kỳ 2021 là 80.000.000 cổ phiếu.

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.784.331.537	13.032.464.899
Chi phí nhân công	8.870.853.897	62.209.477.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.268.067.861	102.937.775.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.805.284.040	87.295.413.818
Chi phí khác bằng tiền	1.705.093.599	12.782.436.916
Tổng	158.433.630.934	278.257.567.985

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin tài chính khác**

Trong kỳ 2020 Công ty nhận được bản án sơ thẩm số 18/2020/KDTMST ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức về vụ kiện tranh chấp hợp đồng kinh tế số 477/HUD-HĐKT, theo bản án Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức buộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị trả cho Công ty Cổ phần Tasco số tiền 191,78 tỷ đồng (gốc và lãi). Công ty Cổ phần Tasco không chấp nhận nên đã làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức yêu cầu HUD bàn giao 12.870 m² đất cho TASCOS. Ngày 25/01/2021 Công ty đã nhận được thông báo về việc thụ lý án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Ngày 03/06/2021 Tòa Án nhân dân thành phố Hà Nội đã gửi công văn đến UBND Thành phố Hà Nội để thu thập tài liệu, căn cứ của vụ án. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng và cho rằng vấn đề trên chưa ảnh hưởng cần thiết điều chỉnh trên Báo cáo tài chính. Sau khi Bản án Phúc thẩm có hiệu lực, Công ty sẽ đánh giá ảnh hưởng và thực hiện các điều chỉnh, công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (nếu có).

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư, Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 80.000.000 cổ phiếu giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá 800.000.000.000 đồng, dự kiến thực hiện trong kỳ 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 27/4/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	Lương, Thù lao	2.287.231.860	2.739.408.317
Ban Tổng Giám đốc	Lương	1.114.093.723	956.464.068

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Bán hàng			60.000.000	86.181.818
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	-	26.181.818
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	60.000.000	60.000.000
Mua hàng			4.666.728.000	4.666.728.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	4.666.728.000	4.666.728.000

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vay			22.047.371.066	59.494.516.666
Phạm Quang Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Vay ngắn hạn	21.865.996.410	50.058.748.975
Trần Thanh Long	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	181.374.656	9.435.767.691
Lãi vay			588.373.972	262.422.329
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ			588.373.972	262.422.329
Nhận cổ tức			4.854.502.500	4.854.502.500
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP			4.854.502.500	4.854.502.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	1.630.600.000	1.630.600.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	5.446.112.061	47.850.000
Phải thu khác ngắn hạn				
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Cổ tức	5.664.589.471	6.068.216.751
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	Phải thu khác	101.264.800	101.264.800
Phải thu khác dài hạn				
			-	-
Phải trả người bán				
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Phải trả người bán	104.225.691.118	109.370.370.601
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	Phải trả người bán	404.962.605	404.962.605
Vay và nợ				
Phạm Quang Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Vay	103.280.524.665	81.661.528.255
Trần Thanh Long	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Vay	-	9.907.294.487
Nguyễn Trung Tiến	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Vay	-	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác; dịch vụ thu phí đường bộ; đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2021*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	139.637.391.569	-	4.979.853.355.859	1.107.932.717.180	6.227.423.464.608
Tài sản cố định không thể phân bổ				11.097.245.078	11.097.245.078
Xây dựng cơ bản dở dang	45.485.014.076	1.041.950.384.450	10.717.296.752	38.830.113.993	1.136.982.809.271
Các khoản phải thu	525.923.742.390	502.579.234.362	16.115.518.573	53.835.414.611	1.098.453.909.936
Hàng tồn kho	6.045.898.938	52.447.240.118	3.474.557.651	62.460.639.859	124.428.336.566
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	41.701.842.429	-	790.576.663.344	108.088.825.549	940.367.331.322
Tài sản không thể phân bổ					619.717.504.791
Tổng tài sản					10.158.470.601.572
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	217.537.821.578	740.717.203.643	229.035.629.290	489.463.911.579	1.676.754.566.090
Phải trả tiền vay	123.488.192.260	249.950.617.935	4.284.496.718.890	851.383.152.106	5.509.318.681.191
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	11.571.409.112
Tổng nợ phải trả					7.197.644.656.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	61.384.868.749	7.582.435.169	246.851.146.021	36.998.920.532	352.817.370.471
Giảm trừ doanh thu	266.548.181	9.553.650.941	-	-	9.820.199.122
Doanh thu thuần	61.118.320.568	(1.971.215.772)	246.851.146.021	36.998.920.532	342.997.171.349
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	72.133.506.617	(3.386.310.029)	39.226.739.046	(104.086.043.224)	3.887.892.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.958.369.131	-	3.172.804.463	-	13.131.173.594
Lợi nhuận trong năm	62.175.137.486	(3.386.310.029)	36.053.934.583	(104.086.043.224)	(9.243.281.184)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2021***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	133.705.125.387		4.896.974.211.324	1.070.263.593.112	6.100.942.929.823
Tài sản cố định không thể phân bổ					10.115.959.907
Xây dựng cơ bản dở dang	69.010.368.867	425.887.974.520	10.717.296.752	69.048.760.774	574.664.400.913
Các khoản phải thu	303.916.051.798	417.280.953.986	106.173.719.115	81.292.229.927	908.662.954.826
Hàng tồn kho	8.954.535.163	32.348.440.804	3.996.944.744	47.832.193.298	93.132.114.009
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	40.374.183.103	-	864.483.623.926	85.459.583.912	990.317.390.941
Tài sản không thể phân bổ					1.279.160.543.476
Tổng tài sản					9.956.996.293.895
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	214.603.621.755	548.733.698.643	166.247.498.951	512.771.294.960	1.442.356.114.309
Phải trả tiền vay	253.301.347.926	142.990.375.674	4.112.267.118.890	841.383.152.106	5.349.941.994.596
Nợ phải trả không phân bổ					277.314.168.881
Tổng nợ phải trả					7.069.612.277.786

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	69.310.375.106	38.919.209.894	276.953.877.543	80.782.928.852	465.966.391.395
Giảm trừ doanh thu	1.704.076.505	414.996.163	-	-	2.119.072.668
Doanh thu thuần	67.606.298.601	38.504.213.731	276.953.877.543	80.782.928.852	463.847.318.727
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	(1.729.978.268)	(3.049.933.684)	58.064.906.610	(121.419.363.357)	(68.134.368.699)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.157.006.850	(369.190.163)	1.649.916.112	-	5.437.732.799
Lợi nhuận trong kỳ	(5.886.985.118)	(2.680.743.521)	56.414.990.498	(121.419.363.357)	(73.572.101.498)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.5 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	329.814.461.490	219.322.711.611
Phải thu khách hàng và phải thu khác	830.120.901.640	1.016.949.801.479
Các khoản cho vay	12.460.285.000	32.625.979.000
Đầu tư ngắn hạn	38.558.398.516	46.920.000.000
Đầu tư dài hạn	27.800.000.000	27.800.000.000
Tổng	1.238.754.046.646	1.343.618.492.090
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.349.941.994.596	5.509.318.681.191
Phải trả người bán và phải trả khác	1.442.356.114.309	1.405.010.812.928
Chi phí phải trả	103.944.695.046	95.037.607.286
Tổng	6.896.242.803.951	7.009.367.101.405

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.5 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/06/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	896.625.084.205	545.731.030.104	1.442.356.114.309
Chi phí phải trả	103.944.695.046	-	103.944.695.046
Các khoản vay	106.966.742.299	5.242.975.252.297	5.349.941.994.596
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
01/01/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	853.420.854.048	551.589.958.880	1.405.010.812.928
Chi phí phải trả	95.037.607.286	-	95.037.607.286
Các khoản vay	97.778.930.894	5.411.539.750.297	5.509.318.681.191

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.5 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tài sản tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	329.814.461.490	-	329.814.461.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	707.136.377.523	122.984.524.117	830.120.901.640
Các khoản cho vay	12.460.285.000	-	12.460.285.000
Đầu tư ngắn hạn	38.558.398.516	-	38.558.398.516
Đầu tư dài hạn	-	27.800.000.000	27.800.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	219.322.711.611	-	219.322.711.611
Phải thu khách hàng và phải thu khác	893.965.518.130	122.984.283.349	1.016.949.801.479
Các khoản cho vay	32.625.979.000	-	32.625.979.000
Đầu tư ngắn hạn	46.920.000.000	-	46.920.000.000
Đầu tư dài hạn	-	27.800.000.000	27.800.000.000

7.6 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Viết Tân